TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/DS-ST
Ngày 03 tháng 7 năm 2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thanh Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xoa

2. Ông Huỳnh Thanh Trà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Thuỳ Dương.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà số : 11/2024/TB-TA ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Huỳnh Thy D - Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Căn hộ 9., Tầng ., số 3. đường N, phường T, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Nguyễn Thị H – sinh năm: 199.. Địa chỉ cư trú: 4.T, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ liên lạc: Số 1. T– phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Giấy uỷ quyền ngày 12/01/2024, Số công chứng 246, quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Sông Hàn)

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc L - Sinh năm: 198..

Địa chỉ: 1. P, phường P, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: 5. N, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Hoàng Thị D – Sinh năm: 198.. Địa chỉ: 1. B, phường K, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (Giấy uỷ quyền ngày 03/6/2024, Số công chứng 001400, quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Đinh Xuân Hảo)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20/12/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (bà Trần Huỳnh Thy D) là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Trần Huỳnh Thy D và bà Trần Thị Ngọc L có quan hệ bạn bè, bà Dđã nhiều lần cho bà L mượn tiền, tuy nhiên còn hai giấy mượn tiền: Ngày 25/12/2020 mượn 300.000.000 đồng, bà L hẹn trả trong thời gian 1 tháng, Ngày 05/01/2021, bà L hẹn trả trong thời gian 1 tháng, số tiền theo cả 02 giấy mượn tiền trên, bà L đều chưa trả cho bà D, ngoài ra, bà L có mượn tiền bà D thêm nhiều lần, ngày 04/03/2021 giữa bà L và bà D chốt qua zalo thêm là 200.000.000đồng. Vào tháng 2 năm 2024, bà L có viết giấy mượn tiền của bà D, chốt tổng các khoản nợ là 700.000.000đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà D yêu cầu bà L thanh toán nợ tổng cộng: 899.643.836đồng, trong đó: nợ gốc: 700.000.000đồng, nợ lãi: chậm trả tính đến ngày 10/12/2023 là 199.643.836đồng.

Tại phiên toà, bà D thừa nhận vào tháng 4 và tháng 5/2024, bà L có trả cho bà D được 20.000.000đồng, nay bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Đối với nợ gốc: Bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện là 20.000.000đồng, bà D yêu cầu bà L trả 680.000.000đồng (Sáu trăm tám mươi triệu đồng)

- Bà D rút toàn bộ yêu cầu tính lãi đối với bà L là 199.643.836đồng (Một trăm chín chín triệu sáu trăm bốn ba ngàn tám trăm ba sáu đồng).

Bà D yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo đảm cho việc thi hành án theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

* Tại bản trình bày ý kiến ngày 12/6/2024 và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (bà Trần Thị Ngọc L) là bà Hoàng Thị D trình bày:

Bà L thừa nhận vào năm 2024, bà L có tổng hợp số tiền bà L còn nợ chưa trả cho bà D là 700.000.000đồng, tuy nhiên, tháng 4 và tháng 5/2024 bà L đã trả cho bà D làm nhiều lần, tổng cộng 20.000.000đồng. Tại phiên toà, bà L thừa nhận tổng số tiền bà L còn nợ bà D là 680.000.000đồng, bà L không có khả năng trả 1 lần, bà L xin được trả theo phương thức: tháng 7,8,9/2024, mỗi tháng bà L trả 15.000.000đồng, từ tháng 10/2024 mỗi tháng trả 100.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên toà; Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn là bà Trần Thị Ngọc Lthường trú tại địa chỉ 1. P, phường P, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: 5. N, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hợp đồng vay tài sản: Bà Trần Huỳnh Thy D đã nhiều lần cho bà Trần Thị Ngọc L mượn tiền. Vào tháng 2 năm 2024 , sau khi chốt các khoản nợ còn lại, bà L đã viết Giấy mượn tiền của bà D tổng cộng là 700.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà D và bà L tự nguyện thỏa thuận việc vay mượn tiền là đúng với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

2.2. Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với tiền gốc là 20.000.000đồng, bà D yêu cầu bà L thanh toán 680.000.000 đồng nợ gốc. Bà D rút toàn bộ yêu cầu đối với khoản tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà D đối với bà L là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần bà Diễm rút yêu cầu khởi kiện.

2.2. Về yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa, bà D yêu cầu bà L trả số nợ gốc còn lại là 680.000.000đồng. Bà L thừa nhận còn nợ bà D 680.000.000đồng. Hội đồng xét xử thấy cần buộc bà L phải trả cho bà D số nợ gốc 680.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

2.3. Đối với yêu cầu của bà L là được trả dần số nợ: tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bà D cho rằng bà D không chấp nhận cho bà L trả dần mà yêu cầu bà L thanh toán 1 lần. Do bà D không chấp nhận yêu cầu của bà L nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà L.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Huỳnh Thy D đã có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc "Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ" đối với bị đơn là bà Trần Thị Ngọc L. Ngày 18 tháng 01 năm 2024 Tòa án nhân dân quận Hải Châu có Quyết định Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ- BPKCTT cấm xuất cảnh đối với bà Trần Thị Ngọc L để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án. Tại phiên toà, bà D yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với bà Trần Thị Ngọc L nhằm đảm bảo cho việc thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà D là có căn cứ nên Hôi đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị Ngọc L phải chịu theo qui định của pháp luật.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Huỳnh Thy D.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 463 Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Huỳnh Thy D về việc rút một phần yêu cầu tính nợ gốc là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng), rút toàn bộ yêu cầu tính lãi là 199.643.836đồng (một trăm chín chín triệu sáu trăm bốn ba ngàn tám trăm ba sáu đồng) của bà Trần Huỳnh Thy D đối với bà Trần Thị Ngọc L.

2. Chấp nhận yêu cầu về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa bà Trần Huỳnh Thy D đối với bà Trần Thị Ngọc L.

Xử: Buộc bà Trần Thị Ngọc L phải trả cho bà Trần Huỳnh Thy D số tiền: 680.000.000đồng (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2024/QĐ- BPKCTT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ"

4. Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị Ngọc L phải chịu là: 31.200.000đồng (Ba mươi mốt triệu hai trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Huỳnh Thy D số tiền tạm ứng án phí 19.494.658đồng (Mười chín triệu bốn trăm chín bốn ngàn sáu trăm năm tám đồng) theo biên lai thu số 0000132 ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *CCTHADS quận Hải Châu;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Anh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Q. HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 19 tháng 01 năm 2022.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phạm Thanh Anh**.
- *Các hội thẩm nhân dân* : 1. Ông **Nguyễn Xuân Tùng**

2. Ông **Huỳnh Tiễn**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 249/2020/TLST- DS ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa:

**** Nguyên đơn*:**Bà **Bùi Thị Minh Tâm** – sinh năm: 1959. Địa chỉ: Số 66 Phạm Văn Nghị, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**** Bị đơn:*** Bà **Võ Thị Quyên** – sinh năm: 1966. Địa chỉ: K19/01 Trưng Nữ Vương, phường Bình Hiên, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

I. Về tố tụng:

*** Ý kiến ông Nguyễn Xuân Tùng:**

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn là bà VõThị Quyên thường trú tại địa chỉ K19/01 Trưng Nữ Vương, phường Bình Hiên, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

* **Ý kiến ông Huỳnh Tiễn:** Thống nhất ý kiến với ông Nguyễn Xuân Tùng.

* **Ý kiến bà Phạm Thanh Anh**: Thống nhất ý kiến với 02 Hội thẩm nhân dân.

Biểu quyết: 3/3.

II. Về nội dung vụ án:

*** Ý kiến ông Nguyễn Xuân Tùng:**

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Bùi Thị Minh Tâm đối với bà Võ Thị Quyên.

Xử:

Buộc bà Võ Thị Quyênphải trả cho bà Bùi Thị Minh Tâmsố tiền nợ gốc: 270.000.000đồng, nợ lãi: 30.375.000đồng, tổng cộng:300.375.000đồng.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành

* **Ý kiến ông Nguyễn Xuân Tùng:** Thống nhất ý kiến với ông Huỳnh Tiễn.

* **Ý kiến bà Phạm Thanh Anh**: Thống nhất ý kiến với 02 Hội thẩm nhân dân.

Biểu quyết: 3/3.

III. Về án phí:

*** Ý kiến ông Nguyễn Xuân Tùng:**

Án phí dân sự sơ thẩm bà Võ Thị Quyên phải chịu là: 15.018.750đồng.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị Minh Tâm số tiền tạm ứng án phí 6.750.000đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005181 ngày 23/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

* **Ý kiến ông Huỳnh Tiễn:** Thống nhất ý kiến với ông Nguyễn Thanh Tùng

* **Ý kiến bà Phạm Thanh Anh**: Thống nhất ý kiến với 02 Hội thẩm nhân dân.

Biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 50 phút ngày 19 tháng 01 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

bà Tâm và bà Quyên tự nguyện thỏa thuận mức lãi suất là 2%/tháng, tương đương 24%/năm , theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự: "*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay…Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực"*. Như vậy, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do bà Quyên cung cấp về việc trả lãi và được bà Tâm thừa nhận, Hội đồng xét xử thấy:

+ Đối với khoản vayngày 28/9/2015 nợ 50.000.000 đồng, bà Quyên trả được tổng số tiền lãi là: năm 2016: 8.000.000đồng, năm 2017: 3.000.000đồng; năm 2020: 1.600.000đồng.

+ Đối với khoản vay ngày 24/3/2015 nợ 30.000.000đồng, bà Quyên trả được tổng số tiền lãi là: năm 2016: 6.000.000đồng, năm 2017: 2.100.000đồng.

+ Đối với khoản nợ ngày 19/01/2017, bà Quyên vay của bà Tâm 100.000.000đến ngày 20/6/2020, bà Quyên đã trả tổng cộng 40.000.000đồng, còn nợ lại 60.000.000đồng, bà Quyên trả được tổng số tiền lãi là: năm 2017: 1.200.000đồng;

+ Đối với khoản nợ ngày 20/02/2017, đây là tổng hai khoản nợ ngày 26/8/2016 và ngày 30/8/2016 bà Quyên viết bằng một giấy nợ ngày 20/02/2017 với tổng số tiền còn nợ bà Tâm là 153.000.000 đồng. sau này bà Quyên đã trả được thêm 23.000.000đồng. bà Quyên xác nhận còn nợ lại bà Tâm 130.000.000đồng, bà Quyên trả được tổng số tiền lãi là: năm 2016: 26.640.000đồng, năm 2017: 15.240.000đồng.

Như vậy, tính tổng tiên lãi theo từng năm của 4 khoản vay trên thì tổng số tiền lãi bà Quyên trả cho bà Tâm mỗi năm chưa vượt quá lãi suất giới hạn được quy định là 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Như vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Quyên là có căn cứ.